

Triết lý cơ bản của truyền thông đại chúng và sự liên hệ với thực tiễn ở Việt Nam

Đỗ Đức Minh¹, Trần Quang Minh²

¹ Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: ducminhtuhp@gmail.com

² Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Nhận ngày 15 tháng 6 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 8 năm 2020.

Tóm tắt: Trên cơ sở làm rõ khái niệm, đặc trưng và vai trò cơ bản của truyền thông đại chúng, bài viết góp phần nhận diện phạm trù truyền thông đại chúng; phân tích, luận giải và làm rõ những nội dung cơ bản, giá trị của những triết lý cơ bản của truyền thông đại chúng. Với ý nghĩa là những giá trị chủ đạo, phổ quát trong đời sống xã hội, những triết lý này trở thành nền tảng tinh thần, bệ đỡ cho truyền thông đại chúng tồn tại và không ngừng phát triển, khẳng định vai trò to lớn trong tiến trình phát triển của xã hội.

Từ khóa: Quyền con người, tự do ngôn luận, tự do thông tin, truyền thông đại chúng.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: On the basis of clarifying the concept, characteristics and basic role of the mass media, the article contributes to the identification of the category of mass media; analysing, interpreting and clarifying the basic contents and values of the fundamental philosophies of the media. With the meaning of being the main and universal values in the society, the philosophies become the non-material foundation and the support for the mass media to exist and continuously develop, affirming their great role in the process of social development.

Keywords: Human rights, freedom of speech, freedom of information, mass media.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Truyền thông đại chúng (TTĐC) ra đời do nhu cầu phát triển nội tại của một chế độ chính trị - xã hội cần có một công cụ báo

chí chuyển tải tâm tư, nguyện vọng của một giai cấp, giai tầng xã hội trước những vấn đề mà cả xã hội cùng quan tâm. Là nhu cầu tinh thần trong tiến trình tồn tại và phát triển của mỗi dân tộc nên “tự do ngôn luận”,

“tự do thông tin” trở thành những triết lý cơ bản của TTĐC và là những quyền cơ bản của con người, đồng thời ngày càng được đảm bảo ở các chế độ trong những hình thái kinh tế - xã hội và trong tiến trình văn minh nhân loại. Ngày nay, những triết lý cơ bản của TTĐC - quyền cơ bản của con người là nền tảng sức mạnh và cơ sở pháp lý để định hướng, đảm bảo cho TTĐC phát huy vai trò tích cực trong đời sống xã hội. Bài viết phân tích những triết lý cơ bản của truyền thông đại chúng, sự thể chế hóa triết lý truyền thông trong luật pháp, sự vận dụng triết lý truyền thông đại chúng vào thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

2. Khái niệm truyền thông và truyền thông đại chúng

Truyền thông là một quá trình liên tục trao đổi hoặc chia sẻ thông tin, tình cảm, kỹ năng, nhằm tạo sự liên kết lẫn nhau để tạo ra sự thay đổi trong nhận thức và hành vi của con người. Truyền thông là quá trình truyền đạt, chia sẻ thông tin và là một kiểu tương tác xã hội với sự tham gia từ hai đối tượng trở lên. Về bản chất, truyền thông là một quá trình trao đổi thông điệp giữa các thành viên hoặc với những thành viên khác nhằm đạt được sự chia sẻ và hiểu biết lẫn nhau. Là một quá trình trao đổi hai chiều giữa người gửi và người nhận, truyền thông liên quan đến trao đổi và phát triển ý tưởng, kiến thức, suy nghĩ và thông tin, hướng tới mục tiêu để cả hai phía đồng thuận. Hoạt động truyền thông gắn với lịch sử phát triển xã hội loài người nhằm thỏa mãn nhu cầu truyền bá, tiếp nhận tri thức về thế giới và tạo nên các quan hệ xã hội². Tùy theo cách

tiếp cận, truyền thông được phân loại như sau: (1) Theo kênh chuyển tải thông điệp, có: (i) *Truyền thông trực tiếp* là hoạt động truyền thông, trong đó có sự tiếp xúc trực tiếp mặt đối mặt giữa chủ thể và nhóm đối tượng truyền thông. Đây là kênh truyền thông/ hình thức giao tiếp được thực hiện trực tiếp/ trực diện giữa người với người qua các hình thức cụ thể; (ii) *Truyền thông gián tiếp* là hoạt động truyền thông trong đó những chủ thể truyền thông không tiếp xúc trực tiếp, mặt đối mặt với đối tượng tiếp nhận mà thực hiện quá trình truyền thông nhờ sự hỗ trợ của các yếu tố trung gian truyền dẫn thông điệp, đây là kênh truyền thông được thực hiện qua các phương tiện truyền thông đại chúng (PTTTĐC) như sách, báo (in), tạp chí, phim ảnh, phát thanh (loa, đài), truyền hình, internet, bản tin, pano, áp phích, tranh ảnh, tờ rơi, tờ gấp (các tài liệu truyền thông), phản ánh hiện thực khách quan và mang tính thời sự, định kỳ; (iii) *Các dạng truyền thông khác*. (2) Theo mục đích và phương thức tổ chức hoạt động truyền thông, có các loại hình: thông tin - giáo dục - truyền thông, tuyên truyền; truyền thông thay đổi hành vi; truyền thông - vận động xã hội; truyền thông phát triển. (3) Theo phạm vi tác động, ảnh hưởng của truyền thông, người ta chia thành: (i) *Truyền thông nội lực cá nhân* là quá trình truyền thông diễn ra trong mỗi cá nhân do tác động/ ảnh hưởng của môi trường/ tác nhân bên ngoài cùng với quá trình tiếp nhận và xử lý thông tin bên trong mỗi cá nhân); (ii) *Truyền thông liên cá nhân* là dạng thức truyền thông giữa người này với người khác, trong đó các cá nhân tham gia tổ chức, thực hiện trao đổi thông tin, suy nghĩ, tình cảm... nhằm tạo ra sự hiểu biết

và những ảnh hưởng lẫn nhau về nhận thức, thái độ, hành vi; (iii) *Truyền thông tập thể* là truyền thông trong nội bộ một tổ chức, đòi hỏi kỹ năng giao tiếp ở cấp độ cao hơn, khả năng liên kết và tương tác rộng hơn); (iv) *Truyền thông đại chúng* là dạng thức truyền thông - giao tiếp với công chúng xã hội rộng rãi thông qua các phương tiện kỹ thuật và công nghệ truyền thông, với phạm vi ảnh hưởng rộng lớn tới công chúng - nhóm lớn xã hội [9].

TTĐC là một quá trình truyền đạt thông tin có định hướng tới những đối tượng mục tiêu đại chúng bằng các PTTTĐC để phục vụ mục đích đã được đề ra. Đó là sự truyền bá với số lượng lớn những nội dung giống nhau cho những cá nhân và những nhóm đông người dựa trên kỹ thuật truyền bá tập thể. Là hoạt động giao tiếp xã hội rộng rãi, gồm tổng thể các phương thức và phương tiện thông tin có lượng địa chỉ tiếp nhận lớn và công nghệ truyền phát hiện đại, TTĐC là những hoạt động truyền phát và tiếp nhận thông tin có quy mô tác động xã hội rộng rãi, đồng loạt và hiệu quả giao tiếp lớn.

TTĐC cũng được hiểu là hệ thống/ mạng lưới các phương tiện truyền thông (PTTT) hướng tác động vào đông đảo công chúng xã hội để thông tin chia sẻ, nhằm lôi kéo và tập hợp giáo dục, thuyết phục và tổ chức nhân dân tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội đã và đang đặt ra. TTĐC gồm có: (1) báo chí, bao gồm: báo in và các ấn phẩm in ấn, phát thanh (báo nói), truyền hình (báo hình), báo mạng điện tử, (2) PTTT khác, như: sách, quảng cáo, nhiếp ảnh, báo chí công dân, blog... Đặc điểm của TTĐC là các tính: ẩn danh, công khai, mục đích; phong phú, đa dạng, nhiều chiều; dễ nhớ, dễ hiểu, dễ làm theo; hướng tới thỏa

mãn nhu cầu đa dạng của công chúng; gián tiếp tổ chức và kích thích, động viên, hướng dẫn nhiều người cùng tham gia.

Do nhu cầu và thành tựu của sự phát triển xã hội loài người, TTĐC đã phát triển từ trình độ giản đơn tới phức tạp, hiện đại. Từ tờ *Nhật báo* đầu tiên ra đời trong thời kỳ La Mã cổ đại, phát triển qua các giai đoạn: xã hội tiền nông nghiệp, xã hội nông nghiệp, xã hội công nghiệp, xã hội thông tin; rồi qua các cuộc cách mạng như: “Cách mạng truyền thông đại chúng” (giữa thế kỷ XIX), “Cách mạng giải trí” (cuối thế kỷ XIX), “Cách mạng “Ngôi nhà: trung tâm tiếp nhận thông tin và giải trí”, “Cách mạng Xa lộ thông tin”... và đến khi kết thúc thế kỷ XIX thì kỷ nguyên của TTĐC thực sự bắt đầu với sự xuất hiện của những loại hình phương tiện hiện đại (sách, báo in, điện ảnh, điện tín, phát thanh, truyền hình, internet...). Khoa học kỹ thuật phát triển đã tạo điều kiện vật chất thuận lợi cho hoạt động truyền thông, nhu cầu thông tin, giao tiếp của con người (cá nhân/ tập thể/ cộng đồng/ quốc gia/ châu lục). Công nghệ truyền thông cũng chấp cánh cho TTĐC nối kết các cá nhân/ cộng đồng trong xã hội. TTĐC được ví như “cột sống” của cuộc sống hiện đại, từng ngày rút ngắn các chiều kích không gian và thời gian tồn tại của con người, trong giây lát những thông tin quan trọng có thể được toàn cầu hóa, lan tỏa khắp hành tinh.

Đầu thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ với đặc trưng là sự bùng nổ công nghệ cao và dựa vào thành tựu khoa học mới với hàm lượng tri thức cao, tiêu biểu là công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng, công nghệ vật liệu và công nghệ thông tin đã và đang tác động ngày càng

manh mẽ, sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội và tất cả các yếu tố căn bản của nền báo chí truyền thông của các quốc gia. Thế giới đang chứng kiến sự phát triển vũ bão của công nghệ thông tin, nhất là công nghệ số với những đột phá “không có tiền lệ lịch sử” về công nghệ, internet, kỹ thuật số, thực tế ảo... Tính chất số, di động, cá nhân và ảo là những nhân tố quan trọng tạo thành “thế giới phẳng”. “Con sóng thần số hóa” ập vào mọi ngõ ngách của đời sống, tác động mạnh mẽ, sâu rộng đến mọi quan hệ và lĩnh vực xã hội ở mọi quốc gia, lãnh thổ. Những tiến bộ vượt bậc trong công nghệ truyền thông cũng mở ra hướng tích hợp các PTTT. Sự phát triển của công nghệ thông tin, vạn vật kết nối, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn cũng đem đến những xu hướng phát triển mới của báo chí - truyền thông hiện đại, như: hội tụ truyền thông, siêu tác phẩm báo chí, báo chí di động; báo chí dữ liệu. Trong thời đại Cách mạng 4.0, những xu hướng này trở thành xu hướng chủ đạo, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ quan báo chí - truyền thông.

3. Những triết lý cơ bản của truyền thông đại chúng

Triết lý cơ bản của TTĐC là những quan điểm cơ bản, nền tảng tư tưởng - lý luận cho sự tồn tại, hoạt động và phát triển của TTĐC. “Tự do ngôn luận” và “tự do thông tin” là những quyền con người³ và là triết lý cơ bản của TTĐC, trở thành những mục tiêu phấn đấu của con người về quyền được thông tin, trao đổi, giao tiếp, thể hiện ý chí và nguyện vọng một cách công khai thông qua các PTTĐC.

3.1. Tự do ngôn luận và biểu đạt

Về phương diện lịch sử, cùng với phát triển của ngành in (gồm chế tạo ra máy in và mực in: khoảng giữa năm 1440 và năm 1450 [6], báo viết ở phương Tây xuất hiện gắn liền với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản nhằm chống lại chế độ phong kiến hà khắc và phổ biến tư tưởng dân chủ tư sản, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học - kỹ thuật và xây dựng xã hội công dân ở các nước châu Âu. Cũng từ đây, tự do ngôn luận và biểu đạt được đề ra như là một triết lý cơ bản trong lĩnh vực TTĐC.

Khái niệm “tự do” được hiểu là tình trạng một cá nhân có thể và có hành động theo ý chí, nguyện vọng của mình, phù hợp với các quy phạm pháp lý và đạo đức xã hội. Là một yếu tố nền tảng của nhân phẩm và nhân quyền, tự do mang tính lựa chọn cá nhân. Benedic Barud Spinoza (1632-1677) cho rằng: trong một quốc gia tự do, mỗi người có thể nghĩ điều họ muốn và nói điều họ nghĩ [2]. Theo David Hume (1711-1776): tự do “thông tin cho công chúng bất kỳ điều gì chúng ta muốn” là điều đặc biệt phổ biến ở những nước có chính quyền hỗn hợp như ở Anh, trái ngược với những quốc gia “hoàn toàn theo chế độ quân chủ” hay “hoàn toàn theo chủ nghĩa cộng hòa” [1]. Benjamin Constant (1767-1830) cho rằng: trong các chính thể quy mô lớn của thời kỳ hiện đại, tự do báo chí là phương tiện duy nhất đảm bảo tính công khai, vì vậy dưới bất kỳ loại chính phủ nào cũng là biện pháp đặc biệt để bảo vệ các quyền của con người;... chỉ có sự tự do báo chí mới giúp con người nhận biết được những sự lạm dụng mà chính phủ của họ có thể gây ra [5]. Theo John Stuart Mill (1806-1873), tự do

cá nhân chỉ được phép bị giới hạn với điều kiện giúp cho xã hội tự bảo vệ và bảo vệ những người khác. Con người cần những điều kiện khác nhau cho sự phát triển tinh thần nên họ cần sự tự do cá nhân để phát huy hết tiềm năng cũng như tác động lên riêng cá nhân mình theo nguyên tắc có thể làm tất cả những gì không hại đến người khác. Xã hội chỉ được giới hạn tự do cá nhân khi phải bảo vệ những người khác. Chức năng của nguyên tắc tự do không phải ở chỗ xác định những hành vi nào phải được xã hội kiểm soát (bằng các quy định luân lý hay pháp luật), mà là ở chỗ định nghĩa rõ lĩnh vực các quyền tự do cá nhân mà xã hội tuyệt nhiên không được giới hạn dưới bất kỳ tình huống nào. Trong những quyền tự do của con người mà J.S.Mill đề cập, có quyền tự do báo chí và được cho là một trong những quyền tự do căn bản nhất của con người. Khái niệm tự do ngôn luận hiện đại được ông quan niệm là một quyền đa diện, bao gồm không chỉ quyền được biểu đạt hay phát tán thông tin và tư tưởng, mà còn bao hàm các nội dung như: quyền tìm kiếm thông tin và tư tưởng, quyền tiếp nhận thông tin và tư tưởng, quyền chia sẻ thông tin và tư tưởng.

Ngày nay, quyền tự do ngôn luận trở thành một giá trị phổ biến được hầu hết các quốc gia công nhận bằng văn bản luật (thậm chí bằng hiến pháp) và trở thành một trong những quyền căn bản nhất của con người được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế như một trong những chuẩn mực quốc tế. Quyền tự do ngôn luận được thừa nhận như là một quyền con người trong Điều 19 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR) của Liên hợp quốc năm 1948 [12] và được khẳng định trong Bộ luật Nhân

quyền Quốc tế. Tự do trong các hoạt động TTĐC là một trong những biểu hiện của sự tự do ngôn luận của công dân được xem là yếu tố căn bản của xã hội dân chủ vì người dân sử dụng quyền tự do ngôn luận để thể hiện quyền làm chủ đất nước của mình.

3.2. Tự do thông tin và tự do báo chí

Tự do thông tin cũng là một trong những quyền căn bản nhất của con người, bao gồm quyền được biết thông tin, được tìm kiếm, thu thập và phổ biến thông tin. Trong đó, quyền được biết thông tin là quyền của công chúng được biết thông tin của nhà nước theo cách chủ động công khai từ phía nhà nước hoặc thực hiện quyền yêu cầu được nhà nước cung cấp thông tin từ phía người dân, nhằm thỏa mãn nhu cầu thông tin của mình cũng như bảo vệ và thực hiện các quyền năng khác được pháp luật ghi nhận. Quyền tự do thông tin và quyền được thông tin là một thành tố quan trọng của quyền con người, được các Công ước quan trọng về quyền con người, như: Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị năm 1966, Công ước Liên hợp quốc Phòng chống tham nhũng, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền (văn bản nền tảng của Cách mạng Pháp 1789) ghi nhận và hầu hết các quốc gia công nhận bằng văn bản luật hay bằng hiến pháp. Là một nhu cầu và một quyền cơ bản, cấp thiết, cần được đảm bảo thực hiện đối với mọi công dân, đồng thời là một thành tố không thể tách rời của một nền dân chủ, quyền được thông tin là biểu hiện của một xã hội được quản lý, vận hành theo nguyên tắc nhà nước pháp quyền vì nó tạo cơ sở cho người dân trong việc giám sát sự công khai, minh bạch

trong hoạt động của nhà nước. Bởi lẽ “Nhân dân sống trong một xã hội cởi mở không đòi hỏi các thiết chế của họ hoàn toàn không thể mắc sai lầm, song thật khó nếu họ chấp nhận một điều mà họ không được phép kiểm soát” [11]. Nhờ tự do báo chí mà các ý tưởng có thể được tuyên truyền, phổ biến và trao đổi, và chỉ bằng cách thảo luận cởi mở các ý tưởng mà sự thật mới được phát hiện. Vì vậy, quyền được biết thông tin của công chúng trở thành hạt nhân của triết lý báo chí tự do và nó định hướng con đường đi cho báo chí trong quan hệ với hệ thống chính trị. Tự do báo chí trở thành một điều kiện thiết yếu để thực hiện chức năng xã hội cơ bản của truyền thông và là bộ phận cấu thành cơ bản của quyền con người, được khẳng định như một giá trị và niềm tự hào của dân chủ phương Tây.

Các PTTTĐC đã hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trong đó có báo chí. Nó bảo đảm cho người dân có quyền sử dụng báo chí như phương tiện thể hiện quan điểm về mọi mặt: kinh tế, xã hội và chính trị. Bởi lẽ, TTĐC ra đời là để đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của công chúng và sự phát triển mạnh mẽ của báo chí cũng dựa trên nền tảng bởi sự gia tăng nhu cầu thông tin trong xã hội. Mọi chức năng của TTĐC và báo chí đều được thực hiện qua thông tin và thông tin được xem là chức năng cơ bản của báo chí. Vì vậy, TTĐC có vai trò quan trọng và không thể thay thế trong việc đáp ứng quyền tự do thông tin của công chúng. Ngược lại, nếu không có thông tin, TTĐC hay báo chí không thể thực hiện được chức năng giáo dục, văn hóa, giải trí cũng như vai trò giám sát, quản lý xã hội... Từ nhiệm vụ tự nhiên này, truyền thông đã góp phần quan trọng, đáp

ứng quyền được thông tin của công chúng. Thông qua các kênh thông tin này, các giá trị xã hội, các quy tắc, luật lệ thành văn cũng như bất thành văn của xã hội được phổ biến, nhắc nhở, thuyết phục mọi người đồng tình và cùng nhau tuân thủ. Báo chí cũng trở thành một công cụ nhanh chóng, hiệu quả nhất để người dân sử dụng quyền làm chủ của mình trong việc giám sát các thiết chế chính trị, nhất là quản lý nhà nước, buộc những quan chức phải có trách nhiệm giải trình trước công luận, thực hiện những trách nhiệm và cam kết của họ đối với nhân dân. Vì vậy, một nền báo chí thực sự tự do trở thành tiêu chí của một nền dân chủ thực chất và là phương thức để người dân sử dụng quyền tự do ngôn luận để thực sự làm chủ đất nước của mình. Điều này cũng có nghĩa là, để có tự do báo chí theo nghĩa chân chính, phải dựa trên nền tảng một xã hội dân chủ, mọi hoạt động của báo chí phải phục vụ lợi ích của đông đảo nhân dân. Nền dân chủ sẽ bị đe dọa nếu người dân không được phép tự do chia sẻ các ý tưởng, diễn tả các ý kiến một cách cởi mở, thảo luận với nhau hay phản biện những nhân viên chính quyền và các chính sách công. Vì vậy, không thể có tự do báo chí trong một xã hội độc tài, phát - xít, chuyên quyền, độc đoán. Một nền tự do báo chí không phải là một đặc quyền mà là một nhu cầu tất yếu của một xã hội tiên bộ. Và bảo vệ nền tự do báo chí là bảo vệ quyền của người dân được hiểu biết và khuyến khích các cơ quan truyền thông báo cáo, thảo luận về các biến cố chính trị đã xảy ra hay sẽ xảy ra. Mặt khác, cho dù là những quyền cơ bản trong xã hội dân chủ, nhưng việc lạm dụng tự do ngôn luận, tự do thông tin cũng sẽ dễ dẫn đến việc xâm hại, ảnh hưởng đến các cá nhân và tổ chức xã hội. Vì vậy, một vấn đề

đặt ra là những quyền này cần được giới hạn trong khuôn khổ pháp lý.

4. Sự thể chế hóa triết lý truyền thông trong luật pháp

4.1. Tự do ngôn luận, tự do báo chí trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia

Trên bình diện quốc tế, quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí được ghi nhận, quy định cụ thể trong các văn kiện (luật pháp) quốc tế như một sự quy phạm chuẩn mực quốc tế về một trong những quyền căn bản nhất của con người. Theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), chính phủ một quốc gia cần đảm bảo các quyền cơ bản của con người, và quyền tự do ngôn luận và biểu đạt được thừa nhận như là một quyền cơ bản của con người: “Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm; kể cả tự do bảo lưu ý kiến không phụ thuộc vào bất cứ sự can thiệp nào, cũng như tự do tìm kiếm, thu nhận, truyền bá thông tin và ý kiến bằng bất cứ phương tiện thông tin đại chúng nào và không giới hạn về biên giới” [12, Điều 19].

Nội dung của Điều 19 về quyền tự do ngôn luận trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (năm 1948) sau đó đã được tái khẳng định trong bộ Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (năm 1966): “1. Mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp. 2. Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, không phân biệt ranh giới, hình thức tuyên truyền miệng, hoặc bằng bản viết, in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật, hoặc thông qua mọi

phương tiện đại chúng khác tùy theo sự lựa chọn của họ. 3. Việc thực hiện những quyền quy định tại khoản 2 của điều này kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, có thể dẫn tới một số hạn chế nhất định. Tuy nhiên, những hạn chế này phải được pháp luật quy định và cần thiết để: a) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác, b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khoẻ hoặc đạo đức của công chúng” [4, Điều 19].

Theo Ủy ban giám sát Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (năm 1966), quyền được giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp nêu ở khoản 1 Điều 19 là quyền tuyệt đối, không được hạn chế hay tước bỏ trong bất cứ hoàn cảnh nào, kể cả trong tình huống khẩn cấp của quốc gia. Bên cạnh cơ chế có tính chất toàn cầu của Liên hợp quốc và một số tổ chức liên chính phủ, một số tổ chức khu vực cũng ban hành các văn kiện và thành lập các cơ chế để bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong phạm vi khu vực đó. Tự do ngôn luận hay tự do biểu đạt còn được thừa nhận trong luật nhân quyền của một số khu vực, như: Điều 10 Hiệp ước châu Âu về Nhân quyền (European Convention on Human Rights), Khoản 13 Công ước Mỹ về Nhân quyền (American Convention on Human Rights), Điều 9 của Hiệp ước châu Phi về quyền con người (African Charter on Human and Peoples' Rights), và Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Hoa Kỳ (First Amendment to the United States Constitution)... Một số luật pháp quốc tế khu vực và quốc gia cũng thừa nhận rằng quyền tự do ngôn luận áp dụng cho mọi phương tiện truyền thông, dù bằng cách nói, viết, tài liệu in ấn, qua internet hay qua các hình thức nghệ thuật. Nhìn chung,

các công ước quan trọng về quyền con người đều ghi nhận quyền thông tin, quyền tiếp cận thông tin như một nội dung quan trọng của quyền con người. Ngoài ra, quyền tiếp cận thông tin thuộc nhóm quyền dân sự - chính trị được biểu đạt trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị và được khẳng định trong nhiều điều ước quốc tế khác, như: Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển năm 1992, Công ước Aarhus về tiếp cận thông tin môi trường...

Là một nội dung cơ bản của quyền con người nên tự do ngôn luận, tự do báo chí luôn trở thành vấn đề mang tính toàn cầu và đòi hỏi sự quan tâm của những người cầm quyền ở các quốc gia. Cho dù hình thái kinh tế - xã hội khác nhau nhưng giá trị phổ quát của quyền con người trong lĩnh vực tự do báo chí, tự do ngôn luận đều được tôn trọng. Hiến pháp của hầu hết các quốc gia đều ghi nhận và bảo vệ những quyền này của công dân. Theo đó, tự do ngôn luận được xem là điều thiết yếu đối với một chính phủ đại diện và thực hiện tự do ý chí cá nhân. Điều này có nghĩa là các PTTTĐC được tự mình quyết định đăng tải hay phát sóng những tin gì. Là một đối tượng được đưa tin và bình luận nên chính phủ không được tác động gì tới việc các PTTTĐC đưa tin gì và đưa tin như thế nào về chính phủ; không được đòi hỏi phải đưa tin của chính phủ hoặc đòi hỏi các báo chí đưa những tin nào và phải trình bày ở một vị trí nào đó của báo; cũng không đòi hỏi các báo phải ủng hộ quan điểm của chính phủ. Nếu chính phủ muốn đảm bảo đưa tin về chính phủ phải đặt báo chí chương trình quảng bá thông tin như bất kỳ một công ty thương

mại hay một cá nhân nào. Không những vậy, chính phủ phải thực hiện nguyên tắc đối xử bình đẳng trong việc cung cấp thông tin cho tất cả các PTTTĐC. Không ai có thể bị phân biệt đối xử vì có những tuyên bố không hợp lòng dân. Và bảo vệ tối thượng các quyền con người nói chung và quyền tự do ngôn luận nói riêng cho mỗi người dân một cách bình đẳng đã trở thành tiêu chí để xác định một nhà nước thực sự là của nhân dân và thể hiện nguyên tắc quyền con người trong nhà nước pháp quyền.

Trên tinh thần đó, ngày nay, quyền tự do ngôn luận và được thông tin đã được hầu hết các quốc gia công nhận như những giá trị phổ biến và quyền cơ bản của con người được pháp luật bảo vệ bằng văn bản luật, thậm chí là ghi nhận của hiến pháp. Song, do những khác biệt về hoàn cảnh lịch sử, chế độ chính trị, trình độ phát triển, giá trị truyền thống văn hóa... nên mỗi quốc gia - dân tộc có cách tiếp cận khác nhau về quyền con người và việc thực hiện tự do ngôn luận, tự do thông tin, đồng thời đề cập một cách cụ thể căn cứ vào sự lựa chọn con đường phát triển và hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia.

Tự do ngôn luận, tự do thông tin là những thành quả của lịch sử đấu tranh chính trị lâu dài của nhân loại. Trải qua một quá trình đấu tranh liên tục lâu dài, các quyền tự do báo chí đã được ghi nhận trong hiến pháp hoặc trong các điều luật của các nước châu Âu (Anh, Pháp, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch...). Tư tưởng tự do ngôn luận, tự do báo chí quan trọng với các nhà lập hiến đến mức họ ghi nhận quyền này ngay trong bản Tu chính án thứ nhất (Tu chính án I) Hiến pháp Hoa kỳ: “Quốc hội sẽ không ban hành một đạo luật nào nhằm thiết lập

tôn giáo hoặc ngăn cấm tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, báo chí và quyền của dân chúng được hội họp và kiến nghị Chính phủ sửa chữa những điều gây bất bình” [8]. Tu chính án thứ nhất đã cấm đoán chính quyền không được phép tước bớt các tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, tự do báo chí và tự do hội họp. Ngoài ra, Đạo luật Nhân quyền Hoa Kỳ năm 1791 (Tuyên ngôn Nhân quyền) gồm 10 Tu chính án đầu tiên của Hiến pháp, bảo đảm các quyền tự do cá nhân như tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, xét xử có bồi thẩm đoàn. Cùng với chức năng ghi nhận và bảo đảm, Tuyên ngôn Nhân quyền còn là sự bảo vệ tự do cá nhân khỏi nguy cơ xâm phạm của Nhà nước; ngăn cấm Chính phủ Liên bang xâm phạm vào sự tự do báo chí, lập hội, kiến nghị và hội họp. Trong suốt lịch sử Hoa Kỳ, tự do ngôn luận và tự do báo chí được đề cập trong Tu chính án thứ nhất luôn thường trực trong tâm trí của công chúng cũng như của các thẩm phán khi phải xét xử những sự vụ liên hệ tới vấn đề phổ biến thông tin và ý kiến phát biểu.

4.2. Tự do ngôn luận, tự do báo chí và trách nhiệm song hành

Luật pháp quốc tế cũng như luật pháp của các quốc gia đều công nhận quyền tự do của con người, trong đó có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, Tuy nhiên, đó không phải là tự do vô hạn hay tùy tiện, dẫn đến việc xâm phạm quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức, nhà nước. Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền cũng thừa nhận: “Trong việc hành xử nhân quyền và thụ hưởng tự do, mọi người chỉ phải chịu những hạn chế do luật định, và những hạn chế này chỉ nhằm

mục tiêu bảo đảm sự thừa nhận và tôn trọng nhân quyền và quyền tự do của những người khác, cũng như nhằm thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng về luân lý, trật tự công cộng và nền an sinh chung trong một xã hội dân chủ” [12, Điều 29]. Cùng quan điểm này, Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị cho rằng, quyền tự do biểu đạt “phải được thực hiện kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Vì vậy, quyền này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định được quy định trong pháp luật và là cần thiết để: (a) tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác; b) bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của xã hội” [4, Điều 19, khoản 3]. Bổ sung cho các quy định của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, Ủy ban giám sát Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị cũng đề cập đến một hạn chế cần thiết của quyền tự do biểu đạt. Theo đó, “mọi chủ trương gây hấn thù dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo để kích động sự phân biệt đối xử về chủng tộc, sự thù địch, hoặc bạo lực đều phải bị pháp luật nghiêm cấm” [4, Điều 20, khoản 2].

Tự do báo chí là một trong những điều kiện thiết yếu để thực hiện chức năng xã hội cơ bản của truyền thông, đồng thời là bộ phận cấu thành cơ bản của quyền con người; được khẳng định như một giá trị và niềm tự hào của nền dân chủ phương Tây. Tuy nhiên, khuynh hướng gia tăng tự do cho giới truyền thông tuyệt nhiên không phải là sự ủng hộ hoàn toàn tự do báo chí. Luật pháp quốc tế cũng như pháp luật các quốc gia đều khẳng định quyền tự do báo chí không phải là một quyền tuyệt đối. Vì vậy, trong khi khẳng định thông tin là một

trong những quyền cơ bản của con người được pháp luật bảo vệ và quy định cụ thể về quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí thì các quốc gia cũng khẳng định việc thực hiện quyền này phải trong khuôn khổ pháp luật. Trong khi công nhận quyền tự do của con người, luật pháp các quốc gia cũng khẳng định đó không phải là tự do vô hạn, dẫn đến việc xâm phạm quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức, nhà nước. Và khi thực hiện quyền này, con người phải chịu những hạn chế nhất định nhằm bảo vệ lợi ích chung của xã hội, nhà nước, của người dân. Mặc dù được xem là thiên đường, hình mẫu của tự do báo chí nhưng báo chí tự do của các quốc gia phương Tây vẫn không nằm ngoài khuôn khổ các quy định của pháp luật. Và ngay một quốc gia vốn được coi là thánh địa của tự do báo chí là nước Mỹ thì tự do báo chí cũng được đặt trong một khuôn khổ quy định của pháp luật. Hiến pháp - đạo luật tối cao của các nước tư sản, không chỉ tạo ra khung cấu trúc của bộ máy chính quyền mà còn đề ra những giới hạn đáng kể đối với quyền hạn của các cơ quan, trong đó có báo chí. Trong khi ghi nhận các quyền tự do cho báo chí thì hiến pháp cũng vạch ra giới hạn cho những quyền này. Thậm chí để ngăn ngừa việc lợi dụng tự do báo chí chống lại hoặc lật đổ chính quyền, luật pháp của các quốc gia đều có những quy định chặt chẽ về hoạt động của báo chí.

Theo Hiến pháp Hoa Kỳ (10 tu chính án đầu tiên hay Mười điều khoản về nhân quyền của Hiến pháp Mỹ năm 1791) thì Quốc hội Mỹ không được phép ban hành bất cứ văn bản nào hạn chế tự do ngôn luận và báo chí và hầu như toàn bộ Luật Tự do báo chí Hoa Kỳ được rút ra từ Tu chính án Hiến pháp của (năm 1791). Và mặc dù

người Mỹ rất tự hào về điều này nhưng trên thực tế, không phải báo chí muốn nói thế nào cũng được. Cũng theo Hiến pháp Hoa Kỳ thì Tòa án Tối cao được phép đưa ra những trừng phạt pháp lý khi phát hiện báo chí có hành vi phá hoại, lăng nhục, vu khống, xúc xiểm Nhà nước, xã hội và cá nhân. Theo Hiến pháp của các bang, việc truy tố đối với tội lạm dụng tự do ngôn luận, tự do báo chí cũng được xem là hợp pháp. Ngoài ra, các Luật Tự do báo chí, Luật Phản loạn (năm 1798), Bộ luật Hình sự Hoa Kỳ (Điều 2385, Chương 115)... cũng xác lập “giới hạn” trong tự do báo chí, xác định các hành vi tội phạm báo chí để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tương tự, Hiến pháp và các đạo luật có liên quan của Cộng hòa Liên bang Đức và nhiều quốc gia khác cũng công nhận quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận nhưng không coi quyền này là tự do tuyệt đối và cũng đưa ra giới hạn tự do với những quyền này.

5. Sự vận dụng triết lý truyền thông đại chúng vào thực tiễn ở Việt Nam hiện nay

Là thành quả phát triển lâu dài của lịch sử nhân loại, giá trị cao quý chung của các dân tộc, các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí được xem như là thước đo sự tiến bộ và trình độ văn minh của các xã hội, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển và bản sắc văn hóa. Trong quá trình xây dựng đất nước, Việt Nam không nằm ngoài xu hướng phát triển chung của nhân loại. Mặc dù có sự chi phối đặc thù của đất nước của thể chế chính trị, Chính phủ Việt Nam vẫn công nhận Tuyên ngôn Quốc tế

Nhân quyền là giá trị phổ quát và ký cam kết tuân thủ các văn kiện Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR) [10], đồng thời luôn khẳng định thực thi đầy đủ các công ước đã ký. Các bản Hiến pháp của Việt Nam từ trước đến nay đều có những quy định về tự do ngôn luận, tự do báo chí và khẳng định đây là một trong những quyền cơ bản nhất của con người, của mọi công dân. Qua mỗi bản hiến pháp, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân được kế thừa, phát triển phù hợp với từng điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước⁴. Với việc Nhà nước tham gia ký các Công ước Quốc tế về quyền con người, ban hành Hiến pháp mới năm 2013 và các Luật Báo chí (năm 2016), Luật Tiếp cận thông tin (năm 2016), Luật An ninh mạng (năm 2018), đến nay khung pháp luật của Nhà nước Việt Nam về quyền tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin của công dân là cơ bản đầy đủ, đồng bộ và tương thích với luật pháp quốc tế về quyền con người. Một sự thật không thể phủ nhận là tình hình nhân quyền ở Việt Nam nói chung, tự do ngôn luận, báo chí nói riêng, đã liên tục được cải thiện, phát triển trong các thập niên vừa qua.

Trên nền tảng địa vị pháp lý ngày càng được hoàn thiện, TTĐC nói chung và báo chí Việt Nam nói riêng ngày càng phát triển, đồng hành cùng công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước, vì cuộc sống hạnh phúc của nhân dân. Báo chí đã tích cực tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; thông tin, tạo diễn đàn dư luận; góp phần phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, hoàn

thiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước... Bên cạnh những thành tựu và đóng góp tích cực là cơ bản thì báo chí cũng tồn tại một số hiện tượng tiêu cực, hạn chế như: (1) Đưa những tin bài có nội dung quy chụp, xâm phạm đời tư của một số cá nhân, nhân vật nổi tiếng. Thậm chí đưa tin sai không có sự cải chính, hoặc không đăng tin cải chính, xin lỗi, hoặc cho tranh luận nhiều chiều về cùng một vấn đề trên trang báo. Cách đưa tin, bình luận nhiều khi không thể hiện là diễn đàn của nhân dân, mà là sự áp đặt quan điểm của tòa soạn. (2) Khuynh hướng thương mại hóa và tình trạng xa rời tôn chỉ mục đích chậm được khắc phục; hoặc tình trạng thông tin không chính xác, không hợp lý về liều lượng, mức độ của một vụ việc/ sự kiện; thiếu cân nhắc đầy đủ lợi hại về chính trị, thiếu kinh tế - xã hội, thông tin giật gân câu khách, suy diễn, ám chỉ không có căn cứ của người cầm bút đã làm lộ bí mật Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự của các tổ chức, đơn vị, cá nhân hoặc gây mất đoàn kết nội bộ; nhiều nhà báo ngại dân thân, không muốn đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực trong xã hội mà chạy theo các bài ca ngợi. (3) Một số nhà báo chưa có ý thức đề cao vai trò trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân, thiếu rèn luyện tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, không tự giác khép mình vào kỷ luật và bị những ảnh hưởng xấu của cơ chế thị trường tác động, bị đồng tiền cám dỗ, hoặc vì những động cơ vụ lợi đã dùng chính danh nghĩa nhà báo để làm điều xấu như dọa nạt, tống tiền những cá nhân, đơn vị khi họ có biểu hiện sai trái nên đã bị bắt hoặc bị khởi tố; tha hóa, biến chất và làm phương hại đến uy tín báo giới... Báo chí cũng chưa

làm được việc nêu gương những điển hình trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng để cổ vũ, khuyến khích, động viên những người đã dũng cảm vạch mặt bọn tham nhũng, phát động thành phong trào toàn dân, ở mọi nơi, mọi lúc và mọi người cùng tham gia kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng.

Đặc biệt, ngày nay, thế giới đang chứng kiến sự lên ngôi của mạng xã hội (MXH) - một hình thức TTĐC. Cùng với sự phát triển của internet, MXH được xem như một trong những ứng dụng của internet có ảnh hưởng lớn nhất, đặc biệt là đối với giới trẻ ở cả khu vực đô thị lẫn nông thôn Việt Nam. Nhìn chung, các MXH do doanh nghiệp Việt Nam cung cấp, đặc biệt là các trang đã được cấp phép hoạt động, phần lớn đều tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành. Song vẫn có một số trường hợp để xảy ra sai phạm và nội dung vi phạm chủ yếu là cho thành viên chia sẻ, trao đổi các nội dung vi phạm về thuần phong mỹ tục, dung tục và phân cảm. Vì các MXH do doanh nghiệp nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam hoạt động không có giấy phép (không lập văn phòng đại diện tại Việt Nam) nên việc tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam rất hạn chế. Các hành vi tiêu cực, như tung tin giả mạo, phát tán tin xấu độc, xuyên tạc, bịa đặt, phát ngôn gây thù hận... chủ yếu tồn tại trên các MXH nước ngoài do nhận thức của người sử dụng cho rằng, MXH là môi trường ảo nên có thể tự do phát ngôn, tự do thông tin mà không phải chịu trách nhiệm nào. Tính đến đầu năm 2019, Việt Nam đã có hơn 60 triệu người sử dụng internet, chiếm hơn 60% dân số, đứng thứ 16 trên thế giới về số lượng người sử dụng internet... [7], bên cạnh mặt

tích cực, MXH cũng tồn tại không ít những yếu tố tiêu cực, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường xã hội, lợi ích cộng đồng, thậm chí cả an ninh quốc gia.

Bên cạnh những thành tựu trong quá trình đồng hành với sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, TTĐC Việt Nam cũng đang đặt ra những vấn đề về nhận thức, thực thi đúng đắn và đầy đủ triết lý tự do ngôn luận, tự do thông tin và trách nhiệm xã hội để phát huy hơn nữa vai trò và sứ mệnh của TTĐC trong tiến trình xây dựng, phát triển đất nước, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”.

6. Kết luận

Xuất phát từ nhu cầu của con người, TTĐC luôn song hành với tiến trình phát triển của xã hội như một tham số tiêu biểu nhất trong sự tiến hóa của nhân loại. Từ nền tảng “thông tin” - hạt nhân của các phạm trù cơ bản đến triết lý “tự do ngôn luận”, “tự do thông tin” và sự ghi nhận, thể chế hóa pháp luật về quyền con người đã tạo nên logic vận động và phương châm dẫn dắt các hoạt động của TTĐC. Vì vậy, việc tìm hiểu để nhận diện đầy đủ nội dung, yêu cầu và giới hạn luật pháp của “tự do ngôn luận”, “tự do thông tin” sẽ là cơ sở để TTĐC trong thời đại 4.0 thực hiện sứ mệnh cao cả của mình.

Chú thích

² Yếu tố quan trọng nhất trong quá trình hình thành, phát triển hoạt động truyền thông là sự xuất hiện tiếng nói. Quá trình truyền thông cần có các điều kiện, như: nguồn tin, phương tiện truyền tải thông

tin, người tiếp nhận, các tác nhân bên ngoài và các yếu tố, như: nguồn, thông điệp, mạch truyền/ kênh, người/ nơi tiếp nhận.

³ Định nghĩa của Liên hợp Quốc: quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người [12, tr.4].

⁴ Cụ thể là các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí được khẳng định ngay trong Điều 10 của Hiến pháp đầu tiên (năm 1946), sau đó được tiếp tục ghi nhận trong các Hiến pháp sau này cũng như Hiến pháp hiện tại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Philip B. Kurland and Ralph Lerner, eds. (1986), *The Founder Constitution*, University of Chicago Press (David Hume (1742). *Of the Liberty of the Press*).
- [2] Spinoza (1951), *Theologico Political Treatise*, trans.R.H.M.Elwes, New York: Dover.
- [3] United Nations, Human Rights: *Question and Answers*, New York and Geneva, 2006.
- [4] Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, <https://moj.gov.vn/tttp/thongbao/Lists/ThongBao/Attachments/15/1.%20Cong%20uoc%20ICCP%20-%20VN.pdf>, truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020.
- [5] Bùi Thị Hoàng Hà (biên dịch), Phạm Thị Huyền Trang (hiệu đính) (2014), “Quan hệ giữa truyền thông và dân chủ dưới góc nhìn lịch sử”, <http://nghien-cuu-quoc-te.org/2014/03/13/truyen-thong-va-dan-chu/>, truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020.
- [6] Quốc Lê, *Sự ra đời của máy in*, <https://khoahocphattrien.vn/kham-pha/albatrosses-loai-chim-bay-lon-nhat-the-gioi/2020080611282587p1c879.htm>, truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2020.
- [7] Sài gòn Giải phóng online (2019), “Việt Nam nằm trong nhóm nước có lượng người dùng internet lớn nhất thế giới”, <https://www.sggp.org.vn/viet-nam-nam-trong-nhom-nuoc-co-luong-nguoi-dung-internet-lon-nhat-the-gioi-627231.html>, truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020.
- [8] Phạm Văn Tuấn (2016), *Nền tự do tại Hoa Kỳ*, <https://nghiencuulichsu.com/2016/05/09/nen-tu-do-tai-hoa-ky>, truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020.
- [9] *Về môi trường truyền thông và phân loại truyền thông*, http://tailieu.ttb.gov.vn:8080/index.php/tai-lieu/chuyen-de-chuyen-sau/item/download/902_, truy cập ngày 30 tháng 7 năm 2020.
- [10] *International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights*, https://en.wikipedia.org/wiki/International_Covenant_on_Economic_Social_and_Cultural_Rights, truy cập ngày 30 tháng 7 năm 2020.
- [11] “Seeking Free & Responsible Media”, Global Issues, An Electronic Journal of the U.S. Department of State, Volume 8, Number 1, February 2003., <https://kr.usembassy.gov/wp-content/uploads/sites/75/2017/04/0203-1.pdf>, ngày 30 tháng 7 năm 2020
- [12] *Universal Declaration of Human Rights – Vietnamese*, <https://unicode.org/udhr/d/udhrvie.html>, truy cập ngày 30 tháng 7 năm 2020.